

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824901] - Thực tập tốt nghiệp
(Nhiệt lạnh) (CCQ2218A)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 24....

Số bài thi:34....

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180006	Cao Ngọc ✓	Cường	21/04/2003	CCQ2218A	Cu	8,5	9,0	8,8
2	2122180057	Võ Trương	Đông	01/01/2004	CCQ2218B	Đông	10	7,5	8,5
3	2122180051	Nguyễn Tùng	Dương	20/11/2004	CCQ2218B	Tùng	9,0	8,0	8,4
4	2122180047	Phan Phú	Gia	26/12/2002	CCQ2218B	Ph	9,0	8,0	8,4
5	2122180052	Trần Văn	Giang	08/03/2004	CCQ2218B	Giang	10	7,5	8,5
6	2122180016	Huỳnh Bảo	Hung	17/09/2004	CCQ2218A	H	9,0	7,5	8,1
7	2122180065	Nguyễn Nhất	Huy	26/11/2003	CCQ2218B	Huy	9,0	8,0	8,4
8	2122180020	Nguyễn ✓	Huỳnh	10/05/2004	CCQ2218A				
9	2122180034	Nguyễn Thái	Khênh	29/08/2003	CCQ2218A	Khênh	8,0	8,5	8,3
10	2122180062	Nguyễn Hữu	Kiên	09/11/2003	CCQ2218B	Kien	10	7,5	8,5
11	2122180042	Nguyễn Huỳnh Tuấn	Kiệt	23/03/2004	CCQ2218B	Kiet	10	7,5	8,5
12	2122180012	Phạm Minh	Kiệt	01/06/2004	CCQ2218A	Kiet	7,0	8,0	7,6
13	2122180004	Nguyễn Khánh	Linh	03/07/2004	CCQ2218A	Linh	10	9,0	9,4
14	2122180002	Nguyễn Phương	Nam	18/06/2003	CCQ2218A	Phu	10	8,0	8,8
15	2122180054	Trần Văn ✓	Nam	03/08/2004	CCQ2218B	Cu	9,0	7,5	8,1
16	2122180081	Hồ Đỗ Trung	Nguyên	05/07/2004	CCQ2218C	MP	10	8,5	9,1
17	2122180037	Phạm Văn ✓	Nhon	05/11/2004	CCQ2218B				
18	2122180025	Nguyễn Trung ✓	Nhuận	08/12/2004	CCQ2218A	Tr	9,0	9,0	9,0
19	2122180003	Nguyễn Minh	Nhựt	28/10/2004	CCQ2218A	Nhựt	9,0	8,0	8,4
20	2122180028	Nguyễn Dương Tấn	Phát	05/02/2004	CCQ2218A	PD	8,0	8,0	8,0
21	2122180014	Trần Thanh	Phong	17/03/2004	CCQ2218A	Phu	9,0	9,0	9,0
22	2122180009	Phạm Tấn ✓	Sinh	15/07/2004	CCQ2218A				
23	2122180031	Lê Thanh	Thế	22/02/2004	CCQ2218A	Th	9,0	8,5	8,7
24	2122180048	Võ Văn	Thiên	12/08/2004	CCQ2218B	Th	9,0	8,0	8,4
25	2122180064	Bùi Ngọc	Thiện	04/10/2004	CCQ2218B	Thien	9,0	8,5	8,7
26	2122180046	Nguyễn Văn	Thiệt	13/11/2004	CCQ2218B	Thiet	8,5	8,5	8,5
27	2122180039	Trần Văn	Tiến	05/11/2004	CCQ2218B	Tien	7,0	7,5	7,3
28	2122180049	Lê Văn	Tính	29/12/2004	CCQ2218B	Tiel	7,5	8,0	8,2

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2 G.Viên chấm thi 1 G.Viên chấm thi 2

(Handwritten signatures and names of examiners and graders)

Môn học : [22824901] - Thực tập tốt nghiệp
(Nhiệt lạnh) (CCQ2218A)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 34...
Số bài thi: 34...
Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
29	2122180030	Huỳnh Minh	Toàn	20/10/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>	8,0	8,5	8,3
30	2122180055	Nguyễn Tấn	Trung	16/07/2004	CCQ2218B		Trung	7,0	7,5	7,3
31	2122180038	Nguyễn Đình	Trường	01/10/2004	CCQ2218B					
32	2122180010	Hà Hữu	Truyền	13/05/2002	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>	10	9,0	9,4
33	2120180066	Nguyễn Đình	Truyền	09/11/2002	CCQ2018B					
34	2122180022	Nguyễn Hoàng	Tú	26/02/2004	CCQ2218A		<i>(Signature)</i>	10	8,5	9,1
35	2122180092	Phan Thái	Tú	20/06/2004	CCQ2218C		<i>(Signature)</i>	10	8,5	9,1
36	2122180059	Bảo Văn Anh	Tuấn	22/06/2004	CCQ2218B		<i>(Signature)</i>	9,5	8,5	8,9
37	2122180018	Nguyễn Nghi	Văn	06/04/2004	CCQ2218A		Văn	7,0	7,5	7,3
38	2122180033	Nguyễn Thành	Vạn	19/02/2004	CCQ2218A		Vạn	8,0	7,5	7,7
39	2122180058	Lê Hùng	Vương	12/08/2004	CCQ2218B		<i>(Signature)</i>	9,0	8,0	8,4

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824903] - Thực tập tốt nghiệp
(Nhiệt lạnh) (CCQ2218LA)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 8/8

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

STT	Mã SV	Họ và Tên		Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180120	Nguyễn Đình Cường		16/03/2004	CCQ2218LA			9,0	9,0	9,0
2	2122180108	Nguyễn Tiến Đạt		16/12/2003	CCQ2218LA					
3	2122180107	Nguyễn Anh Gun		26/07/2003	CCQ2218LA			8,0	8,0	8,0
4	2122180112	Nguyễn Hữu Hội		16/10/2003	CCQ2218LA			8,0	8,0	8,0
5	2122180121	Nguyễn Đình Lai		14/02/2004	CCQ2218LA			9,0	9,0	9,0
6	2122180105	Hồng Tuấn Lộc		01/05/2004	CCQ2218LA			9,0	9,0	9,0
7	2122180050	Vũ Bắc Trung Nam		03/05/2004	CCQ2218LA			9,0	8,0	8,4
8	2122180109	Đinh Huy Phước		10/03/2003	CCQ2218LA			7,0	9,0	8,2
9	2122180104	Nguyễn Ngọc Tư		27/11/2003	CCQ2218LA			9,0	9,0	9,0

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 (2024-2025)

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

G.Viên chấm thi 1

G.Viên chấm thi 2

Môn học : [22824902] - Thực tập tốt nghiệp
(Nhiệt lạnh) (CCQ2218C)

CBGD: BỘ MÔN ĐIỆN LẠNH (TG280096)

Số SV có mặt: 26..

Số bài thi: 26..

Số tờ giấy thi:.....

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT (40%)	Đ.Thi (60%)	Điểm HP
1	2122180072	Nguyễn Quốc Anh	29/11/2003	CCQ2218C			9,5	9,0	9,2
2	2122180096	Trần Quốc Cường	23/05/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
3	2122180100	Lê Trung Đức	25/07/2004	CCQ2218C			10	8,0	8,8
4	2122180116	Trần Đức Dũng	09/09/2003	CCQ2218D			10	8,0	8,8
5	2122180126	Trần Trung Hải	11/04/2004	CCQ2218D			10	8,0	8,8
6	2122180119	Trương Minh Hòa	23/11/2004	CCQ2218D			8	8	8,0
7	2122180103	Huỳnh Hậu Hữu	09/01/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
8	2122180094	Phan Tư Khoa	05/06/2004	CCQ2218C			9	8,5	8,7
9	2122180082	Văn Thành Long	10/12/2004	CCQ2218C			9	8,5	8,7
10	2122180086	Trương Bá Luận	15/02/2004	CCQ2218C			9	9	9,0
11	2122180085	Lê Xuân Lực	04/07/2004	CCQ2218C			9,5	9,0	9,2
12	2122180083	Nguyễn Văn Minh	21/05/2004	CCQ2218C			9,0	9,0	9,0
13	2122180123	Huỳnh Minh Phát	06/05/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
14	2122180127	Lê Quốc Phước	09/08/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
15	2122180071	Đoàn Anh Quân	08/10/2004	CCQ2218C			9,5	8,0	8,6
16	2122180079	Đặng Lưu Sữa	22/02/2001	CCQ2218C			9	8,5	8,7
17	2122180102	Nguyễn Đình Tài	15/02/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
18	2122180131	Bùi Lê Hương Thiện	31/01/2004	CCQ2218D			9	8,5	8,7
19	2122180089	Nguyễn Văn Thịnh	26/05/2004	CCQ2218C			9	9	9,0
20	2122180088	Lưu Văn Thư	07/11/2004	CCQ2218C			10	8,5	9,1
21	2122180091	Trương Quốc Tiếng	08/10/2004	CCQ2218C			10	9,0	9,4
22	2122180124	Nguyễn Thái Toàn	09/02/2004	CCQ2218D			9	8,5	8,7
23	2122180114	Lê Minh Trí	19/08/2004	CCQ2218D			10	8,5	9,1
24	2122180125	Phạm Minh Trường	23/11/2000	CCQ2218D			9,5	8,0	8,6
25	2122180113	Tăng Văn Trường	29/10/2004	CCQ2218D			8,0	8,0	8,0
26	2122180077	Thập Văn Anh Vũ	02/04/2004	CCQ2218C			10	8,0	8,8